

Đổi mới sáng tạo: “giải pháp từ việc đẩy mạnh liên kết và hợp tác với các trường đại học”

Nguyễn Văn Hưng

Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp

Những năm gần đây, chính phủ đã đặt ra nhiệm vụ phải đổi mới sáng tạo (ĐMST) mạnh mẽ và nhấn mạnh phải lấy doanh nghiệp là trung tâm của ĐMST. Đổi mới sáng tạo có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của quốc gia và doanh nghiệp, là động lực quan trọng cho sự tiến bộ kinh tế và sức cạnh tranh đối với tất cả các nước.

1. Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp

Đổi mới sáng tạo đã trở thành động lực chính của sự vững mạnh kinh tế và khả năng cạnh tranh quốc gia, và điều này giải thích tại sao các quốc gia đều tham gia vào cái gọi là “cuộc chạy đua vì ưu thế đổi mới toàn cầu”. Theo định nghĩa của OECD, đổi mới sáng tạo là “thực hiện một sản phẩm mới hay một sự cải tiến đáng kể (đối với một loại hàng hóa hay dịch vụ cụ thể), một quy trình, phương pháp marketing mới, hay một phương pháp tổ chức mới trong thực tiễn kinh doanh, tổ chức nơi làm việc, hay các mối quan hệ đối ngoại”. Điểm then chốt ở đây là, đổi mới có thể mang cả khía cạnh công nghệ và phi công nghệ.

Theo cách tiếp cận từ góc độ doanh nghiệp: đổi mới sáng tạo (Innovation) là việc sử dụng ý tưởng mới, sáng kiến mới hoặc kiến thức và xử lý nó thành sản phẩm hoặc dịch vụ mang tính thương mại. Trong hoạt động của doanh nghiệp, đổi mới sáng tạo có đặc điểm: tính mới (trước đó chưa có, hoặc mới trong một bối cảnh, hoàn cảnh nhất định; trên thực tế, cái mới này có thể là sản phẩm, dịch vụ hoặc tính mới trên sản phẩm đã có, công nghệ mới, phương pháp sản xuất hay sử dụng vật liệu mới...); tính hữu ích (về kinh tế, kỹ thuật, an toàn và các tiện ích khác); thành công (hiệu quả kinh doanh, phát triển thị trường...).

Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp nhằm mục đích: thúc đẩy tăng trưởng, tăng lợi nhuận, cạnh tranh được với các đối thủ trong môi trường cạnh tranh khốc liệt, nhất là trong môi trường cạnh tranh hiện nay với sự phát triển của khoa học và công nghệ và hội nhập quốc tế. Đổi mới sáng tạo cơ bản hầu hết mang lại thành công và lợi nhuận cho doanh nghiệp, tuy nhiên cũng có tính rủi ro và thất bại.

2. Thực trạng “Đổi mới sáng tạo” trong các doanh nghiệp sản xuất chế biến Việt Nam.

Trong khi nhu cầu thông tin về ĐMST trong doanh nghiệp là rất cấp bách thì thông tin mà chúng ta có

hiện nay lại không nhiều. Hầu hết chỉ đến từ các cuộc điều tra, thống kê về doanh nghiệp nói chung, trong đó có tính đến yếu tố đầu tư cho R&D cho doanh nghiệp hoặc các nội dung có liên quan.

Theo một cuộc điều tra của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia điều tra thí điểm về hoạt động đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp “Cuộc điều tra thử nghiệm này có quy mô 8000 doanh nghiệp trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ở các quy mô lớn, vừa và nhỏ ở cả ba khu vực: doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp ngoài nhà nước. Điều tra tập trung vào các doanh nghiệp chế biến chế tạo, vì đây là nhóm cần hấp thu công nghệ nhiều nhất, và các nước cũng thường tập trung điều tra vào nhóm này khi đánh giá về ĐMST trong doanh nghiệp” cho thấy hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp Việt nói chung và doanh nghiệp trong ngành công nghiệp sản xuất chế biến, chế tạo nói riêng còn chưa mạnh, tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo còn ít và mức độ đổi mới sáng tạo còn hạn chế.

Nhìn vào bức tranh chung mà nhóm nghiên cứu đưa ra, Việt Nam không thua kém nhiều nước trong khu vực về đầu tư cho ĐMST (12 nước trong khu vực và trong khối OECD được chọn lọc để đối sánh trong nghiên cứu này). Cụ thể, Việt Nam có tỷ lệ các doanh nghiệp có đổi mới sản phẩm và đổi mới quy trình lần lượt là 32.4% và 39.8%, cũng gần bằng Phần Lan (lần lượt là 36.5% và 35.1%) hay kèm Philippines một chút (lương ứng là 37.6% và 43.9%). Hầu như các doanh nghiệp được khảo sát đều đề cao ý thức phải liên tục ĐMST, với khoảng 62% doanh nghiệp chế biến chế tạo có ĐMST trong giai đoạn 2014-2016. Tuy nhiên, nhìn vào từng hoạt động đầu tư cho ĐMST, thì hầu hết các doanh nghiệp của Việt Nam mới chỉ dừng lại ở nỗ lực chiếm lĩnh “phần ngon” thay vì đầu tư vào “phần gốc”.

Một tỷ lệ rất lớn các doanh nghiệp đầu tư vào đổi mới quy trình thông qua việc “Đầu tư vào công nghệ

mới được gắn liền với hàng hóa, máy móc, thiết bị" (39,4%) hoặc thông qua "Nâng cấp/chỉnh sửa công nghệ, thiết bị hiện tại" (39,3%), trong khi đó chuyển giao công nghệ từ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập và các tổ chức khác ngoài công lập đều dưới chỉ ở mức 0,3% và 0,6%. "Nghĩa là các doanh nghiệp chỉ mua công nghệ về áp dụng chứ không/ ít có cải tiến, nghiên cứu".

Trong khi đó, cơ cấu bình quân kinh phí chi các hoạt động phục vụ ĐMST năm 2016 của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cũng nghiêng chủ yếu về mua sắm công nghệ, máy móc và thiết bị (65,5%), còn mua lại các kết quả nghiên cứu và phát triển của các tổ chức khác chỉ chiếm 0,8%, mua quyền phát hành, bản quyền, sáng chế cũng chỉ chiếm 3,4%. Ở khía cạnh này, Việt Nam đứng chót hoặc gần chót bảng so với 12 nước được so sánh trong nghiên cứu này.

3. Thực trạng liên kết và hợp tác của các Trường đại học với doanh nghiệp trong đổi mới sáng tạo

Trong khi thực lực của các doanh nghiệp chưa đủ vững để nghiên cứu phát triển sản phẩm, doanh nghiệp thì vẫn rất đói công nghệ, mà tỉ lệ chuyển giao chỉ dưới 1% có nghĩa là cần đặt lại năng lực nghiên cứu của các viện, trường. Hoặc là các trường, các viện làm ra sản phẩm nhưng không có gì để mua, hoặc là các trường, viện chưa có kết quả có thể bán được.

Theo kết quả khảo sát của Đề tài cấp Nhà nước KX.06/11-15, chỉ có 79% trong số 104 doanh nghiệp được hỏi có thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học. Các doanh nghiệp ở nước ta hiện nay chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, khả năng đầu tư cho tự đổi mới còn hạn chế trong khi Nhà nước chưa có cơ chế, chính sách hiệu quả. Như vậy có nghĩa là đa số kết quả cải tiến sản phẩm/quy trình có được là nhờ doanh nghiệp Việt Nam cải tiến công nghệ sẵn có. Sự gắn kết giữa doanh nghiệp với viện nghiên cứu, trường đại học còn rời rạc, nhỏ lẻ.

Doanh nghiệp cũng có xu hướng đặt hàng với các trường đại học nước ngoài, nơi mà công nghệ họ cần đã được thử nghiệm và có khả năng sinh lợi ngay. Do đó, sự nỗ lực của trường đại học trong việc khẳng định uy tín, năng lực qua thời gian sẽ dẫn khắc phục được tâm lý không tốt này.

Tuy nhiên, xét về tổng thể, việc hợp tác giữa các TDH&DN ở Việt Nam còn hạn chế về số lượng, chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ còn nhiều bất cập, chưa theo kịp sự thay đổi của nền kinh tế. Trong khi đó, sự thiếu hụt thông tin từ cả hai phía, thiếu đầu mối liên lạc trong việc hợp tác là rào cản không nhỏ của việc liên kết này.

Theo số liệu từ Vụ Giáo dục Đại học (Bộ Giáo dục và Đào tạo), kết quả nghiên cứu ở 08 trường tham gia dự án giáo dục đại học theo định hướng nghề nghiệp

ứng dụng do Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai cho thấy, việc hợp tác giữa các TDH&DN là chưa nhiều. Phần lớn các trường chủ yếu thiết lập mạng lưới khoảng 10 DN đối tác chiến lược. Duy nhất TDH Nông lâm TP. Hồ Chí Minh thiết lập được 120 DN có hợp tác lâu dài và chiến lược. Số lượng DN hợp tác ngắn hạn, không thường xuyên có sự khác biệt rõ rệt giữa các nhóm trường, như: TDH Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam thuộc nhóm có hơn 100 đối tác; nhóm trung bình, như: TDH Nông Lâm (Đại học Huế).

Đáng chú ý, việc hợp tác TDH&DN có vai trò quan trọng đối với việc làm của sinh viên sau khi ra trường. Khảo sát gần 1.400 cựu sinh viên từng tham gia học tập theo Chương trình POHE, cho thấy: có 72,8% cho rằng có thể đáp ứng được các nhu cầu của nhà tuyển dụng; 75,5% cho rằng "công việc thực tập thật sự có ích cho công việc đang làm"; 71,3% đánh giá "công việc thực tập có liên quan nhiều đến công việc thực tế đang làm".

4. "Đẩy mạnh liên kết và hợp tác với các trường đại học" giải pháp cho các doanh nghiệp sản xuất và chế biến trong đổi mới sáng tạo

Để nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp sản xuất và chế biến Việt Nam cần áp dụng các giải pháp một cách có hệ thống, toàn diện. Để đẩy mạnh việc liên kết và hợp tác giữa doanh nghiệp với các trường đại học nhằm nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, hoàn thiện hệ thống chính sách định hướng và điều chỉnh hoạt động liên kết giữa TDH&DN. Thời gian qua, Nhà nước đã có chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa một số ngành, lĩnh vực, trong đó khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư cho hoạt động giáo dục; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các TDH; khuyến khích các DN, hiệp hội DN liên kết với các TDH trong đào tạo, hợp tác nghiên cứu... Tuy nhiên, để việc liên kết này hiệu quả, Nhà nước phải có chính sách hướng dẫn cụ thể và hành lang pháp lý thuận lợi, quy định cụ thể quyền, trách nhiệm, phương thức hợp tác giữa TDH&DN, tránh những xung đột lợi ích, hay những mâu thuẫn từ mục tiêu phát triển giữa hai bên.

Hai là, xây dựng mạng lưới liên kết giữa TDH&DN: Một mạng lưới liên kết giữa các TDH&DN với vai trò trung gian kết nối; thu thập, cập nhật dữ liệu; tư vấn và cung cấp các thông tin, mô hình liên kết là giải pháp tối để các bên dễ dàng tìm được đối tác phù hợp và tham mưu cho các cơ quan chức năng trong việc hoạch định chính sách có liên quan.

Bên cạnh đó, TDH&DN cũng cần duy trì các kênh tiếp xúc và liên lạc thường xuyên thông qua bộ phận chuyên trách phụ trách về hợp tác hoặc thông qua các hội nghị, hội thảo, các diễn đàn khoa học; những dự án chung để các bên có sự thông hiểu, tin tưởng lẫn nhau qua hoạt động thực tiễn.

Xem tiếp trang 55